ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157 /KH-SNNMT	*Thanh Hoá, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình "1.000 nông dân số Thanh Hóa" tại các vùng sản xuất tập trung, có liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 28/9/2026 của UBND tỉnh về đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030 và Công văn số 16610/UBND-THĐT ngày 11/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chỉ đạo giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ giao; Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình "1.000 nông dân số Thanh Hóa" tại các vùng sản xuất tập trung có liên kết tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp; nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số của nông dân trong sản xuất trồng trọt, quản lý thông tin sản xuất, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ nông sản, từng bước hình thành lực lượng nông dân số có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào thực tiễn.

Ưu tiên nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số cho nông dân tại các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu, vùng sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, vùng trồng đã được cấp mã số và vùng có liên kết tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy chuyển đổi số trong sản xuất trồng trọt, nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất, tính minh bạch trong truy xuất nguồn gốc, khả năng tiếp cận thông tin thị trường và kết nối cung cầu, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị, khả năng cạnh tranh của nông sản Thanh Hóa, đáp ứng yêu cầu thị trường.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 28/9/2026 của UBND tỉnh, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất, trình độ tiếp cận công nghệ và nhu cầu ứng dụng công nghệ số của nông dân. Lựa chọn đúng đối tượng, địa bàn; ưu tiên nông dân tại vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm; thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất có nhu cầu, khả năng tiếp thu, ứng dụng kỹ năng số.

Nội dung, phương pháp đào tạo phải phù hợp với từng nhóm đối tượng và yêu cầu thực tế của sản xuất trồng trọt; chú trọng thực hành, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, công cụ số gắn với quản lý thông tin sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ nông sản. Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm đúng tiến độ, tránh hình thức, sử dụng hiệu quả nguồn lực; đồng thời theo dõi, đánh giá khả năng áp dụng sau đào tạo và hiệu quả hoạt động của mô hình "Tổ nông dân số" thí điểm.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

Nông dân tham gia sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên người sản xuất tại vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm; thành viên hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác; hộ sản xuất thuộc chuỗi liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, tiêu thụ nông sản; người sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP hoặc tại vùng trồng đã được cấp mã số. Việc lựa chọn căn cứ nhu cầu thực tế, khả năng tham gia đầy đủ chương trình đào tạo và điều kiện ứng dụng kiến thức, kỹ năng số vào sản xuất sau đào tạo.

2. Phạm vi

Triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, ưu tiên các vùng sản xuất trồng trọt tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm; các địa bàn có tiềm năng ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sản xuất và truy xuất nguồn gốc nông sản. Việc triển khai được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của người sản xuất và mục tiêu của Chương trình "1.000 nông dân số Thanh Hóa".

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức đào tạo, hướng dẫn nông dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất trồng trọt, từng bước hình thành lực lượng nông dân số có kiến thức, kỹ năng và khả năng ứng dụng công nghệ số vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Qua đó, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của nông sản Thanh Hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

Rà soát, lựa chọn 1.000 nông dân tham gia Chương trình, ưu tiên người sản xuất tại vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu có liên kết tiêu thụ sản phẩm; thành viên HTX, tổ hợp tác; hộ sản xuất thuộc chuỗi liên kết và người sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP hoặc tại vùng trồng đã được cấp mã số.

Tổ chức đào tạo, tập huấn và hướng dẫn thực hành kỹ năng số phù hợp với nhu cầu thực tế, điều kiện sản xuất và khả năng ứng dụng của học viên; thực hiện cấp chứng chỉ, chứng nhận theo quy định (nếu có).

Hướng dẫn học viên ứng dụng công nghệ số trong tiếp cận thông tin kỹ thuật, thời tiết, thị trường; ghi chép nhật ký sản xuất điện tử; quản lý thông tin sản xuất, vùng trồng; truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ nông sản.

Phấn đấu trên 85% học viên sau đào tạo áp dụng kiến thức, kỹ năng số được hướng dẫn vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Thí điểm xây dựng 01 mô hình "Tổ nông dân số" tại vùng sản xuất tập trung hoặc vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm; đánh giá hiệu quả, khả năng duy trì và đề xuất giải pháp nhân rộng phù hợp với điều kiện thực tế.

IV. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Rà soát, lựa chọn vùng sản xuất và đối tượng tham gia Chương trình

- *Nội dung thực hiện*: Rà soát, xác định các vùng sản xuất trồng trọt tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm; các vùng sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, vùng trồng đã được cấp mã số. Khảo sát nhu cầu đào tạo, khả năng tham gia và ứng dụng kỹ năng số của nông dân; ưu tiên thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất thuộc các chuỗi liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, tiêu thụ nông sản.

- *Hình thức thực hiện*:

Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, phường triển khai thực hiện; tổng hợp danh sách vùng sản xuất, người đăng ký và nhu cầu đào tạo của các địa phương, tham mưu Sở xem xét, lựa chọn đối tượng tham gia bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô và nội dung Chương trình.

Đề nghị UBND các xã, phường chủ trì rà soát, lựa chọn vùng sản xuất và người đăng ký tham gia Chương trình trên địa bàn; phối hợp với hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác định nhu cầu đào tạo, nội dung kỹ năng số cần trang bị và khả năng tham gia của người sản xuất. Lập danh sách người đăng ký theo từng vùng sản xuất, nhóm sản phẩm và nhu cầu đào tạo; gửi kết quả rà soát về Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- *Thời gian hoàn thành*: Trước ngày 15/12/2026.

- *Sản phẩm, kết quả*: Danh sách vùng sản xuất, người đăng ký tham gia và bảng tổng hợp nhu cầu đào tạo kỹ năng số của từng địa phương.

2. Tuyên truyền, phổ biến về Chương trình 1.000 nông dân số

- *Nội dung thực hiện:* Tuyên truyền về mục tiêu, nội dung, đối tượng tham gia và lợi ích của Chương trình; nâng cao nhận thức, khuyến khích nông dân, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác chủ động tham gia và ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Tập trung phổ biến, hướng dẫn các nội dung thiết thực như ghi chép nhật ký sản xuất điện tử; cập nhật, quản lý thông tin vùng trồng, cơ sở sản xuất; truy xuất nguồn gốc nông sản; tiếp cận thông tin kỹ thuật, thời tiết, thị trường; quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số. Giới thiệu các mô hình, cách làm hiệu quả trong ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp.

- *Hình thức thực hiện:* Giao các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi tường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao lồng ghép vào các chương trình tổ

chức tuyên truyền, phổ biến bằng hình thức phù hợp. Tăng cường đăng tải tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của Sở và các nền tảng thông tin phù hợp; xây dựng, phổ biến video, tài liệu hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các lớp tập huấn, hội nghị, hoạt động khuyến nông và hướng dẫn sản xuất tại cơ sở. Đề nghị UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền đến nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và người sản xuất trên địa bàn bằng hình thức phù hợp.

- *Thời gian hoàn thành:* Thường xuyên trong năm 2027.

- *Sản phẩm, kết quả:* Tin, bài, tài liệu, phóng sự, video hướng dẫn và các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về Chương trình.

3. Đào tạo, bồi dưỡng phát triển nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại

- *Nội dung thực hiện*: Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ nông sản, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng sản xuất và nhu cầu thực tế, tập trung vào các nội dung:

(1) Kỹ năng số cơ bản: Sử dụng thiết bị thông minh, ứng dụng và nền tảng số phục vụ sản xuất nông nghiệp; khai thác thông tin kỹ thuật, thời tiết, thị trường và ghi chép nhật ký sản xuất điện tử.

(2) Tiêu chuẩn chất lượng và sản xuất nông nghiệp bền vững: Kiến thức, kỹ năng về tiêu chuẩn, quy chuẩn, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

(3) Quản lý sản xuất, kinh doanh và tiếp cận thị trường: Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất, quản lý tài chính, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; thương mại điện tử, thanh toán số, kết nối thị trường và tiếp cận dịch vụ tài chính.

(4) Quản trị hợp tác xã và liên kết sản xuất: Nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; tổ chức sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và quản trị rủi ro.

(5) Chế biến, cơ giới hóa và nông nghiệp thông minh: Kiến thức, kỹ năng ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, thiết bị thông minh, nông nghiệp chính xác, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại.

(6) Quản lý rủi ro và kỹ năng thích ứng: Kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường; an toàn lao động, bảo hiểm nông nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung đào tạo được thiết kế theo từng nhóm đối tượng, vùng sản xuất và nhu cầu thực tế; ưu tiên các kỹ năng có khả năng ứng dụng trực tiếp như sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất, ghi chép nhật ký điện tử, cập nhật thông tin vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm. Các nội dung về tiêu chuẩn chất lượng, cơ giới hóa, quản trị sản xuất và quản trị hợp tác xã được lựa chọn, lồng ghép phù hợp với mục tiêu đào tạo và nhu cầu của người học. Kết quả đào tạo phải được đánh giá thông qua mức độ tiếp thu và khả năng thực hành, ứng dụng của học viên.

- *Hình thức thực hiện:* Giao Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cung cấp danh sách địa phương, vùng sản xuất và người sản xuất dự kiến tham gia Chương trình; phối hợp xác định nhu cầu, nội dung tập huấn phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- *Thời gian hoàn thành:* Trong năm 2027.

- *Sản phẩm, kết quả:* Các lớp đào tạo, tập huấn được tổ chức theo kế hoạch; danh sách học viên và kết quả đánh giá mức độ tiếp thu, khả năng thực hành, ứng dụng của học viên được tổng hợp; hình thành lực lượng nông dân nòng cốt có khả năng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ nông sản, hỗ trợ các hộ sản xuất khác tại địa phương.

4. Xây dựng thí điểm mô hình "Tổ nông dân số" gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

- *Nội dung thực hiện:*

Lựa chọn 01 địa bàn xây dựng thí điểm mô hình "Tổ nông dân số", ưu tiên vùng sản xuất trồng trọt tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ nông sản. Địa bàn được lựa chọn cần đáp ứng các tiêu chí: có hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc doanh nghiệp tham gia tổ chức sản xuất, liên kết tiêu thụ; có nông dân đủ điều kiện, nhu cầu ứng dụng công nghệ số; có khả năng tiếp cận, sử dụng thiết bị thông minh và nền tảng số; có sự phối hợp của UBND xã, phường và đơn vị liên quan trong tổ chức, duy trì hoạt động của mô hình.

Lựa chọn thành viên Tổ là nông dân thuộc địa bàn thí điểm, ưu tiên người đã tham gia Chương trình đào tạo "1.000 nông dân số Thanh Hóa", thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và các hộ sản xuất nòng cốt có khả năng hỗ trợ, hướng dẫn những người khác ứng dụng công nghệ số.

Hướng dẫn thành viên ứng dụng công nghệ số trong ghi chép nhật ký sản xuất điện tử; cập nhật, quản lý thông tin sản xuất; tiếp cận thông tin kỹ thuật, thời tiết, thị trường; truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ nông sản trên các nền tảng số phù hợp. Đối với vùng trồng đã được cấp mã số, hướng dẫn cập nhật thông tin và thực hiện các yêu cầu duy trì mã số theo quy định.

Xây dựng kế hoạch hoạt động của Tổ, xác định rõ nhiệm vụ của tổ trưởng, thành viên và cơ chế phối hợp với UBND xã, phường, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết. Định kỳ theo dõi, đánh giá số thành viên tham gia, mức độ sử dụng công cụ số, kết quả ứng dụng vào sản xuất và khả năng hỗ trợ các hộ sản xuất khác.

Trên cơ sở kết quả thí điểm, đánh giá hiệu quả hoạt động, những khó khăn, vướng mắc và điều kiện duy trì mô hình; đề xuất phương án nhân rộng tại các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu có điều kiện tương tự. Việc duy trì mô hình gắn với nhu cầu thực tế của nông dân, hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm khả thi, tránh hình thức.

- *Hình thức thực hiện:* Giao Trung tâm Khuyến nông chủ trì, phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, UBND xã,

phường và các đơn vị liên quan khảo sát, lựa chọn địa bàn, thành viên; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai mô hình. Đề nghị UBND xã, phường phối hợp vận động nông dân tham gia, kết nối với hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết và hỗ trợ duy trì hoạt động của Tổ tại địa phương.

- *Thời gian hoàn thành:*

Quý I/2027: Rà soát, lựa chọn địa bàn và vùng sản xuất dựng mô hình; lựa chọn thành viên, xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức hướng dẫn đưa mô hình vào hoạt động; Quý II đến quý IV/2027: Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ thành viên thực hành ứng dụng công nghệ số; theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động, khả năng duy trì và nhân rộng mô hình.

- *Sản phẩm, kết quả:* (1) 01 mô hình "Tổ nông dân số" được thành lập và đi vào hoạt động, có danh sách thành viên, phân công nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động. (2) Có kết quả theo dõi, đánh giá việc ứng dụng công nghệ số của thành viên, thể hiện qua các hoạt động thực tế như ghi chép nhật ký sản xuất điện tử, cập nhật thông tin sản xuất, truy xuất nguồn gốc hoặc quảng bá, kết nối tiêu thụ nông sản phù hợp với điều kiện của địa bàn. (3) Có báo cáo đánh giá kết quả thí điểm, xác định hiệu quả, hạn chế, điều kiện duy trì và phương án nhân rộng mô hình trong giai đoạn tiếp theo.

5. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và đề xuất nhân rộng mô hình "Tổ nông dân số"

- *Nội dung thực hiện:*

Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai Chương trình tại các địa phương, tập trung vào số lượng nông dân được đào tạo, kết quả đánh giá sau đào tạo và mức độ ứng dụng kiến thức, kỹ năng số vào thực tiễn sản xuất, quản lý và tiêu thụ nông sản.

Theo dõi, đánh giá mô hình "Tổ nông dân số" thí điểm, tập trung vào tình hình tổ chức và duy trì hoạt động của Tổ; số lượng thành viên tham gia; kết quả thực hành, ứng dụng công nghệ số; khả năng hỗ trợ các hộ sản xuất khác và hiệu quả phối hợp với hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động của mô hình sau thí điểm; đề xuất phương án nhân rộng tại các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu có tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện thực tế.

- *Hình thức thực hiện:*

Giao Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình; tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, giải quyết khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và báo cáo kết quả theo quy định.

Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả theo lĩnh vực phụ trách và gửi kết quả về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Riêng Trung tâm Khuyến nông chủ trì đánh giá

kết quả hoạt động, khả năng duy trì và đề xuất phương án nhân rộng mô hình "Tổ nông dân số" theo nhiệm vụ được giao.

Đề nghị UBND các xã, phường phối hợp cung cấp thông tin về kết quả đào tạo, tình hình ứng dụng công nghệ số của nông dân, hoạt động của mô hình tại địa phương; phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện.

Các đơn vị gửi báo cáo định kỳ trước ngày 10 hằng tháng và báo cáo sơ kết, tổng kết theo yêu cầu để Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp, tham mưu Sở báo cáo theo quy định.

- *Thời gian hoàn thành:* Thường xuyên trong năm 2027; sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết vào cuối năm 2027.

- *Sản phẩm, kết quả:* Báo cáo định kỳ hằng tháng; báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2027; báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình năm 2027; báo cáo đánh giá mô hình "Tổ nông dân số", trong đó xác định kết quả đạt được, điều kiện duy trì và đề xuất phương án nhân rộng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật; không bố trí kinh phí trùng lặp cho cùng một nhiệm vụ, nội dung thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Sở

a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Là đầu mối tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc rà soát, lựa chọn địa phương, vùng sản xuất và nông dân tham gia; theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

b) Chi cục Phát triển nông thôn: Chủ trì tham mưu, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, phát triển lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và nâng cao năng lực quản trị HTX nông nghiệp; xác định nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu của Kế hoạch và nhu cầu thực tế.

c) Trung tâm Khuyến nông: Chủ trì khảo sát, đề xuất lựa chọn địa bàn, xây dựng và triển khai thí điểm mô hình "Tổ nông dân số"; hướng dẫn nông dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kết nối thông tin và trao đổi kinh nghiệm; theo dõi, đánh giá kết quả thí điểm, đề xuất giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình phù hợp với điều kiện thực tế.

Các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng nội dung, tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý

theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đề nghị UBND các xã, phường

Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất lựa chọn vùng sản xuất và nông dân tham gia Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; cử đầu mối phối hợp, cung cấp thông tin và bố trí địa điểm tổ chức các hoạt động tại địa phương. Tuyên truyền, vận động nông dân tham gia đào tạo, tập huấn; phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ nông dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất; theo dõi, cung cấp thông tin phục vụ đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và duy trì hoạt động của mô hình "Tổ nông dân số" (nếu được lựa chọn triển khai).

Căn cứ dự toán ngân sách được giao, khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định hiện hành, chủ động rà soát, đề xuất bố trí hoặc lồng ghép nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các nội dung Kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- UBND các xã, phường (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc sở: Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục PTNT; Trung tâm Khuyến nông (để thực hiện);
- Lưu: VT, TTBVTV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Đức Cường